

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2018.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Toàn và bà Phạm Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Bùi Đức T1**, sinh năm 1984 (*Vắng mặt*);

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Chị Hà Thị T2**, sinh năm 1992 (*Vắng mặt*);

HKTT: Thôn TP, xã ĐT, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Bùi Văn C - Sinh năm 1949 (*Vắng mặt*);

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3.2. Ông Bùi Xuân T3 - Trưởng thôn N (*Vắng mặt*);

3.3 Ông Nguyễn Văn T4 - Phó trưởng thôn N (*Vắng mặt*);

Đều trú tại: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Đức T1 trình bày:***

Anh Bùi Đức T1 và chị Hà Thị T2 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù đã được bố mẹ khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến ngày 02/4/2018 mâu thuẫn căng thẳng nên anh Bùi Đức T1 có tát chị Hà Thị T2 một cái và sau đó chị Hà Thị T2 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T1 xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T2 không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng đoàn tụ, do đó anh T1 đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T2. Việc ly hôn anh T1 đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

Anh Bùi Đức T1 và chị Hà Thị T2 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng mới kết hôn nên không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai tài sản gì, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hà Thị T2 trình bày:***

Chị Hà Thị T2 và anh Bùi Đức T1 là vợ chồng, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới cuộc sống của vợ chồng không được mấy hạnh phúc, trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống thường xảy ra cãi chửi nhau. Đến ngày 02/4/2018 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và anh T1 đã tát chị một cái sau đó chị có đánh trả lại anh T1 và chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Kể từ ngày chị về nhà bố mẹ đẻ được một tháng thì anh T1 có sang nhà chị và nói với bố mẹ chị là vợ chồng chị không ở được với nhau chứ không phải sang xin lỗi để đón chị về. Sau đó khoảng hai tuần tiếp thì anh T1 có mang đơn

ly hôn đến đưa cho chị nhưng chị không ký đơn, hôm đó anh T1 có xin lỗi bố mẹ chị. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên anh T1 xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn. Việc này chị cũng đã suy nghĩ kỹ và không bị ai ép buộc.

Chị Hà Thị T2 và anh Bùi Đức T1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng mới kết hôn nên không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai tài sản gì, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Tại biên bản xác minh ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình với đại diện thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình có nội dung:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị Hà Thị T2 và anh Bùi Đức T1, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như chị T2 đã trình bày. Sau khi kết hôn, chị T2 về nhà anh T1 sinh sống tại thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chính quyền địa phương không biết được cuộc sống chung của vợ chồng chị T2, anh T1. Chính quyền địa phương chỉ được biết chị Hà Thị T2 có về nhà bố mẹ đẻ ở từ cách đây khoảng hai đến ba tháng, còn lý do về nhà bố mẹ đẻ thì chính quyền địa phương không biết.

Đối với việc anh Bùi Đức T1 xin ly hôn chị Hà Thị T2, đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2018, ông Bùi Văn C là bố đẻ anh Bùi Đức T1 trình bày:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T1 và chị T2, ông Bùi Văn C trình bày như sau: Mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T2 là có thật và đã thực sự trầm trọng, căng thẳng kéo dài, vợ chồng anh T1 chị T2 đã có thời gian sống ly thân, chị T2 đã bỏ về nhà bố mẹ chị ấy ở. Nay anh T1 xin ly hôn chị T2, ông C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh T1 và chị T2 chưa có con chung.

Anh T1 và chị T2 mới lấy nhau nên không có tài sản chung.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã

thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T1 được ly hôn chị T2.

Về con chung: Anh T1 và chị T2 không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Bùi Đức T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hà Thị T2, chị Hà Thị T2 hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố T, tỉnh Thái Bình, do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Đức T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Hà Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn anh Bùi Đức T1 và bị đơn chị Hà Thị T2.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Bùi Đức T1 và chị Hà Thị T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T1 và chị T2 là có và đã thực sự trầm trọng, giữa anh T1, chị T2 không có sự tôn trọng, yêu thương lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng vì trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã có thời gian sống ly thân đến nay đã trên ba tháng hôn nhân giữa anh T1, chị T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Bùi Đức T1 xin ly hôn chị Hà Thị T2, chị T2 cũng đồng ý ly hôn, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Đức T1.

[3] Về con chung: Anh Bùi Đức T1 và chị Hà Thị T2 không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Bùi Đức T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 146, Điều 147, điểm d, e khoản 1 Điều 192, Điều 200, Điều 202, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Đức T1 và chị Hà Thị T2.

2. Về nuôi con chung: Anh Bùi Đức T1 và chị Hà Thị T2 không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Bùi Đức T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T1 nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007062 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh Bùi Đức T1 và bị đơn chị Hà Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Linh Nga